

## **BÁO CÁO**

### **Thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên**

*Tại Kỳ họp thứ tư (Kỳ họp chuyên đề)*

*Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XV, nhiệm kỳ 2026 - 2031*

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025; Thực hiện Thông báo số 56/TB-HĐND ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phân công thẩm tra Tờ trình và dự thảo Nghị quyết trình tại Kỳ họp thứ tư (Kỳ họp chuyên đề) Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XV, nhiệm kỳ 2026 - 2031; Thông báo số 59/TB-HĐND ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh, bổ sung nội dung và phân công thẩm tra Tờ trình và dự thảo Nghị quyết trình Kỳ họp thứ tư (Kỳ họp chuyên đề), Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XV, nhiệm kỳ 2026 - 2031. Ban Kinh tế - Ngân sách được phân công chủ trì thẩm tra 13 nội dung (trong đó có 08 nội dung quy phạm pháp luật), Ban Kinh tế - Ngân sách báo cáo kết quả thẩm tra đối với các Tờ trình, dự thảo Nghị quyết, cụ thể như sau:

#### **I. Tờ trình, dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

**1. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết:** Việc ban hành Nghị quyết là cần thiết để bảo đảm thực hiện thống nhất trên địa bàn toàn tỉnh và phù hợp với thực tiễn của địa phương; đồng thời làm cơ sở pháp lý cho việc tổ chức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố theo đúng quy định của pháp luật, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý hạ tầng giao thông đô thị, tăng cường trật tự, an toàn giao thông và tạo nguồn thu phục vụ công tác duy tu, bảo trì kết cấu hạ tầng trên địa bàn tỉnh.

**2. Sự phù hợp của nội dung dự thảo văn bản với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương:** Nội dung dự thảo Nghị quyết phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước.

**3. Tính hợp hiến, tính hợp pháp:** Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Điều 21 Luật Phí và lệ phí năm 2015; khoản 2 Điều 8 Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

#### **4. Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày và trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản**

4.1. *Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày:* Dự thảo Nghị quyết xây dựng bảo đảm phù hợp với Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật.

#### 4.2. *Trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản*

Trình tự, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật bảo đảm theo quy định tại Điều 44 và Điều 45 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

#### **5. Về dự thảo Nghị quyết**

- Tại điểm b khoản 2 Điều 3 quy định về tỷ lệ phí để lại cho tổ chức thu phí là đơn vị sự nghiệp công lập 20% để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí theo quy định; 80% phần còn lại nộp ngân sách. Qua khảo sát của Ban, một số địa phương đề nghị điều chỉnh tỷ lệ 50% để lại cho đơn vị thu phí và 50% nộp ngân sách nhà nước, đề nghị UBND tỉnh nghiên cứu, xem xét điều chỉnh tỷ lệ để lại phù hợp với thực tiễn, theo hướng tăng tỷ lệ để lại đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tại các xã, phường có phát sinh thu phí lớn hơn, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động và thực hiện lộ trình tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Luật Phí và lệ phí: “*Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền quy định các khoản phí, lệ phí trong Danh mục phí, lệ phí, được quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí.*”; đồng thời, theo khoản 1 Điều 3 Nghị định số 362/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Phí và lệ phí: “*Căn cứ tính chất, đặc điểm của từng khoản phí, lệ phí và tình hình thực tế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 4 Luật Phí và lệ phí quy định cụ thể hình thức nộp, kỳ khai, nộp phí, lệ phí cho phù hợp.*”, do đó, đề nghị UBND tỉnh bổ sung hình thức nộp, kỳ khai, nộp phí, lệ phí cho phù hợp.

- Tại khoản 3 Điều 2:

+ Đề nghị kết cấu lại nội dung cho phù hợp thống nhất (*Khoản 3 quy định về sử dụng một phần lòng đường, hè phố để trông giữ xe ô tô, trong khi điểm a khoản này quy định về mức thu phí sử dụng lòng đường, hè phố để trông giữ xe máy, xe đạp với thời gian không liên tục; điểm b khoản này quy định về mức thu phí sử dụng toàn bộ kết cấu hạ tầng đường bộ (bao gồm lòng đường, hè phố) để tổ chức hội chợ, triển lãm, lễ hội chưa đảm bảo thống nhất).*

+ Đối với quy định về mức thu phí sử dụng lòng đường, hè phố cho mục đích tổ chức hội chợ, triển lãm, lễ hội (*tối đa 200% mức thu phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố tính theo tháng*), đề nghị UBND tỉnh nghiên cứu, đánh giá tác động của chính sách; trong đó xem xét không thực hiện thu phí đối với các hoạt động tổ chức hội chợ, triển lãm, lễ hội phục vụ nhiệm vụ chính trị, văn hóa, xã hội, quảng bá địa phương hoặc không vì mục đích lợi nhuận, bảo đảm phù hợp với thực tiễn và tạo điều kiện thúc đẩy các hoạt động trên địa bàn tỉnh.

## **6. Nội dung đề nghị UBND tỉnh**

- Báo cáo cơ sở tính toán quy định mức thu phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố vào mục đích khác với mức thu bằng 0,3% giá đất thương mại, dịch vụ quy định tại bảng giá đất hiện hành<sup>1</sup>.

- Đối với phí sử dụng một phần lòng đường, hè phố vào mục đích trông giữ xe ô tô không thường xuyên (tối đa không quá 03 giờ/lượt), hiện chỉ quy định mức thu cho 2 nhóm loại xe gồm xe taxi, xe ô tô dưới 16 chỗ ngồi (30.000đ/lượt); xe ô tô từ 16 chỗ ngồi trở lên (50.000đ/lượt),... đề nghị báo cáo cơ sở tính toán xác định mức thu phí và cơ sở phân loại 02 nhóm nêu trên để đảm bảo tính phù hợp với thực tiễn.

- Theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ “1. Việc sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác bao gồm: a) Phục vụ các hoạt động: sự kiện chính trị và hoạt động văn hóa, thể thao; phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống cháy nổ; tìm kiếm cứu nạn; phòng, chống dịch bệnh; b) Phục vụ thi công xây dựng công trình; c) Tập kết, thu gom rác thải, vật liệu xây dựng; d) Tổ chức sự kiện tang lễ; đ) Tổ chức đám cưới; e) Sử dụng vào việc trông, giữ phương tiện tham gia giao thông trong trường hợp cần thiết;” Tuy nhiên, dự thảo Nghị quyết chỉ đang quy định mức thu đối với việc sử dụng vào mục đích tập kết vật liệu, phế thải; trông giữ xe đạp, xe máy theo tháng và không thường xuyên, tổ chức hội chợ, triển lãm,... Đề nghị báo cáo bổ sung, làm rõ; đồng thời, đề nghị bổ sung quy định đối tượng, trường hợp được miễn phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh theo quy định tại Điều 21 Luật Phí và lệ phí năm 2015 và khoản 2 Điều 8 Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Báo cáo tổng số tiền thu phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023 - 2025; phân tích, đánh giá mức tăng thu phí (nếu có) khi áp dụng phương án tính mới đối với các tuyến đường được phép sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố. Đồng thời, đề nghị đánh giá tỷ lệ đóng góp của khoản thu này trong tổng thu ngân sách của tỉnh, làm cơ sở xem xét mức độ tác động và ý nghĩa của chính sách đối với cân đối ngân sách địa phương.

<sup>1</sup> Hiện nay, mức thu đang được xác định theo khu vực, vị trí, đơn vị hành chính và khung thu phí từ 3.000 đồng/m<sup>2</sup>/tháng đến 100.000 đồng/m<sup>2</sup>/tháng theo các Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Thái Nguyên và Nghị quyết số 11/2025/NQ-HĐND được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Bắc Kạn, tuy nhiên, báo cáo giải trình chưa làm rõ căn cứ chuyển đổi phương pháp tính và việc quy đổi mức 0,3% tương ứng với mức nào trong khung thu nêu trên, cũng như chưa có so sánh với mức thu đang áp dụng tại các khu vực tương tự để làm rõ tính hợp lý của phương án đề xuất.

- Báo cáo kết quả chỉ đạo xây dựng đề án thu phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 7 Nghị định số 362/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Phí và lệ phí.

- Hiện nay, việc quản lý và khai thác sử dụng lòng đường, lề đường, vỉa hè trong các khu đô thị và khu dân cư trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo Quyết định số 40/2010/QĐ-UBND ngày 6/12/2010 của UBND tỉnh Thái Nguyên (trước sắp xếp) và Quyết định số 2091/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 và số 2326/QĐ-UBND ngày 21/11/2019 của UBND tỉnh Bắc Kạn căn cứ theo Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (nay đã được thay thế bởi Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ), đề nghị UBND tỉnh rà soát, cập nhật và sửa đổi, bổ sung các quy định của tỉnh bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, đồng bộ với hệ thống pháp luật mới về quản lý, khai thác và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

## **II. Tờ trình, dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, tỷ lệ trích để lại phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

**1. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết:** Việc ban hành Nghị quyết là cần thiết để bảo đảm thực hiện thống nhất trên địa bàn toàn tỉnh, góp phần nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật của các tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện quy định về bảo vệ môi trường; đồng thời tạo cơ sở pháp lý cho việc thu, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt theo đúng quy định, tăng cường hiệu quả công tác quản lý, kiểm soát và giảm thiểu ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh.

**2. Sự phù hợp của nội dung dự thảo văn bản với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương:** Nội dung dự thảo Nghị quyết phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước.

**3. Tính hợp hiến, tính hợp pháp:** Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Điều 21 Luật Phí và lệ phí năm 2015; khoản 1 Điều 6 và khoản 1 Điều 9 Nghị định số 346/2025/NĐ-CP ngày 29/12/2025 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

### **4. Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày và trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản**

**4.1. Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày:** Dự thảo Nghị quyết xây dựng bảo đảm phù hợp với Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật.

#### 4.2. Trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản

Trình tự, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật bảo đảm theo quy định tại Điều 44 và Điều 45 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

#### 5. Về dự thảo Nghị quyết

- Tại Điều 2: Đề nghị lược bỏ quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt để bảo đảm thẩm quyền của HĐND tỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 346/2025/NĐ-CP ngày 29/12/2025 của Chính phủ<sup>2</sup>. Đồng thời, sửa tên Nghị quyết thành: “*Nghị quyết quy định tỷ lệ trích để lại phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên*”.

- Theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Luật Phí và Lệ phí: “*Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền quy định các khoản phí, lệ phí trong Danh mục phí, lệ phí, được quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí.*”; đồng thời, theo khoản 1 Điều 3 Nghị định số 362/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Phí và lệ phí: “*Căn cứ tính chất, đặc điểm của từng khoản phí, lệ phí và tình hình thực tế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 4 Luật Phí và Lệ phí quy định cụ thể hình thức nộp, kỳ khai, nộp phí, lệ phí cho phù hợp.*”, do đó, đề nghị UBND tỉnh bổ sung hình thức nộp, kỳ khai, nộp phí, lệ phí cho phù hợp.

- Tại Điều 3: Quy định tỷ lệ để lại phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh, đề nghị nghiên cứu xây dựng phụ lục chi tiết các khu vực áp dụng mức để lại 8% và 5%, bảo đảm tính cụ thể trong quá trình tổ chức thực hiện.

#### 6. Nội dung đề nghị UBND tỉnh

- Đề nghị đánh giá tính phù hợp của việc quy định tỷ lệ để lại tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt cho tổ chức cung cấp nước sạch tại khu vực phía Bắc của tỉnh là 8%; đồng thời xem xét tác động của việc thay đổi quy mô khách hàng sau sắp xếp đơn vị hành chính đối với hoạt động của các đơn vị cung cấp nước sạch, nhất là các tổ chức cung cấp nước sạch tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, làm cơ sở nghiên cứu, quy định tỷ lệ phù hợp với thực tiễn.

- Báo cáo tổng số kinh phí thu, nộp ngân sách nhà nước từ phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023 - 2025.

---

<sup>2</sup> *Mức phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt là 10% trên giá bán của 01 m<sup>3</sup> nước sạch chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Trường hợp cần áp dụng mức phí cao hơn, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức phí cụ thể cao hơn đối với từng đối tượng chịu phí”.*

### **III. Tờ trình, dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

**1. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết:** Việc ban hành Nghị quyết là cần thiết để bảo đảm thực hiện thống nhất trên địa bàn toàn tỉnh và phù hợp với thực tiễn của địa phương, làm cơ sở để các đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện thu, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; đồng thời góp phần tăng cường công tác quản lý tài nguyên khoáng sản, bảo vệ môi trường, khắc phục ô nhiễm và phục hồi môi trường tại khu vực khai thác, bảo đảm nguồn thu ổn định phục vụ nhiệm vụ bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

**2. Sự phù hợp của nội dung dự thảo văn bản với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương:** Nội dung dự thảo Nghị quyết phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước.

**3. Tính hợp hiến, tính hợp pháp:** Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Điều 21 Luật Phí và lệ phí năm 2015; khoản 4 Điều 6 Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.

#### **4. Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày và trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản**

**4.1. Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày:** Dự thảo Nghị quyết xây dựng bảo đảm phù hợp với Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật.

#### **4.2. Trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản**

Trình tự, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật bảo đảm theo quy định tại Điều 44 và Điều 45 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

### **5. Về dự thảo Nghị quyết**

- Tại khoản 1 Điều 3, dự thảo quy định: “*Cơ quan thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản quy định tại Điều 3 Nghị quyết này thực hiện thu, nộp toàn bộ số phí thu được vào ngân sách nhà nước*”, tuy nhiên không có quy định về tổ chức thu phí. Đồng thời, theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 của Chính phủ: “*Tổ chức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản là cơ quan thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế*”. Đề nghị UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

- Tại khoản 3 Điều 3, đề nghị sửa thành: “*Người nộp phí nộp tiền phí vào ngân sách nhà nước theo hình thức không dùng tiền mặt vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách nhà nước của tổ chức thu phí mở tại Kho bạc Nhà nước*” cho phù

hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Nghị định số 362/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Phí và lệ phí.

- Hiện nay, mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh được xây dựng trên cơ sở kế thừa các Nghị quyết của HĐND tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn (trước sắp xếp) ban hành năm 2023 (cơ bản là giữ nguyên mức thu, có 03 mức thu phí tăng và 01 mức thu giảm)<sup>3</sup>. Theo quy hoạch, trên địa bàn có khoảng 425 mỏ với 26 loại khoáng sản, có sự khác nhau về quy mô khai thác và mức độ tác động môi trường, do đó, đề nghị rà soát, nghiên cứu điều chỉnh mức thu phí theo hướng phù hợp thực tiễn và quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 của Chính phủ: “*HĐND tỉnh quyết định cụ thể mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với từng loại khoáng sản áp dụng tại địa phương phù hợp với tình hình thực tế trong từng thời kỳ*”, trong đó xem xét tăng mức thu phí đối với một số loại khoáng sản có nguy cơ ô nhiễm cao, độc hại hoặc tác động lớn đến môi trường, đồng thời bảo đảm hài hòa giữa tăng thu ngân sách, sử dụng tài nguyên tiết kiệm, hiệu quả và không ảnh hưởng hoạt động sản xuất, kinh doanh hợp pháp trên địa bàn tỉnh.

#### **6. Nội dung đề nghị UBND tỉnh**

- Báo cáo tổng số tiền thu từ phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn 2023 - 2025; đề nghị đánh giá tỷ lệ đóng góp của khoản thu này trong tổng thu ngân sách của tỉnh. Đồng thời, sớm hoàn thiện nội dung trình HĐND tỉnh xem xét, ban hành quy định trách nhiệm đóng góp kinh phí của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 8 Luật Địa chất và Khoáng sản năm 2024.

### **IV. Tờ trình, dự thảo Nghị quyết quy định về cơ chế, chính sách thu hút xã hội hóa đầu tư và khai thác bến xe khách trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

**1. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết:** Việc ban hành Nghị quyết là cần thiết, tạo cơ sở pháp lý thống nhất để tổ chức thực hiện trên địa bàn toàn tỉnh, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương, góp phần nâng cao chất lượng công tác quản lý, thu hút xã hội hóa đầu tư và khai thác bến xe khách trên địa bàn tỉnh.

<sup>3</sup> Có 03 mức thu phí tăng và 01 mức thu giảm so với Nghị quyết số 22/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên (trước sắp xếp) và Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn (trước sắp xếp) gồm:

(1) Quặng chì, quặng kẽm 270.000 đồng/tấn (tăng 45.000 đồng/tấn so với mức thu quy định tại Nghị quyết số 22/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên (trước sắp xếp); tăng 20.000 đồng/tấn so với mức chi quy định tại Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn (trước sắp xếp));

(2) Các loại cát khác 6.000 đồng/m<sup>3</sup> (tăng 1.500 đồng/m<sup>3</sup> so với mức thu quy định tại Nghị quyết số 22/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên (trước sắp xếp); tăng 2.000 đồng/m<sup>3</sup> so với mức chi quy định tại Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn (trước sắp xếp));

(3) Than gồm than an-tra-xít hầm lò, than an-tra-xít lộ thiên, than nâu, than mỡ, than khác 10.000 đồng/tấn (tăng 1.000 đồng/tấn so với mức thu quy định tại Nghị quyết số 22/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên (trước sắp xếp)).

(4) Kim cương, Ru-bi, Sa-phia, E-mô-rôt (emerald), A-lêch-xan-đờ-rít (alexandrite), Ô-pan (opan) quý màu đen A-dít, Rô-đô-lít (rodolite), Py-rôp (pyrope), Bê-rin (berin), Sờ-pi-nen (spinen), Tô-paz (topaz) Thạch anh tinh thể màu tím xanh, vàng lục, da cam, Cờ-ri-ô-lít (cryolite), Ô-pan (opan) quý màu trắng, đỏ lửa; Birusa, Nê-phờ-rít (nephrite) 60.000 đồng/tấn (giảm 10.000 đồng/tấn so với mức thu quy định tại Nghị quyết số 22/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên (trước sắp xếp)).

**2. Sự phù hợp của nội dung dự thảo văn bản với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương:** Nội dung dự thảo Nghị quyết phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước.

**3. Tính hợp hiến, tính hợp pháp:** Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Quyết định số 12/2015/QĐ-TTg ngày 16/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách thu hút xã hội hóa đầu tư và khai thác bến xe khách.

**4. Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày và trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản**

**4.1. Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày:** Dự thảo Nghị quyết xây dựng bảo đảm phù hợp với Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật.

**4.2. Trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản**

Trình tự, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật bảo đảm theo quy định tại Điều 44 và Điều 45 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

**5. Về dự thảo Nghị quyết**

- Tại Điều 4, đề nghị lược bỏ nội dung: “*Trường hợp không thu hút được các nhà đầu tư xây dựng bến xe khách tại các địa bàn nghèo theo quy định của cấp có thẩm quyền thì nguồn ngân sách tỉnh bảo đảm kinh phí để đầu tư xây dựng các hạng mục công trình cơ bản bắt buộc của bến xe khách, bao gồm: khu vực đỗ xe đón, trả khách, khu vệ sinh, phòng vé và phòng chờ cho hành khách, văn phòng làm việc, đường nội bộ, các trang thiết bị cơ bản để tổ chức hoạt động bến xe khách*”, do đây là thẩm quyền của UBND tỉnh đã được giao tại Điều 5 Quyết định số 12/2015/QĐ-TTg ngày 16/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ<sup>4</sup>. Đồng thời, đề nghị báo cáo kết quả rà soát thực trạng nhu cầu đầu tư các hạng mục nêu trên tại các địa bàn khó khăn.

- Tại Điều 6 về chính sách ưu đãi về xã hội hóa khai thác bến xe khách: Đề nghị sửa cụm từ: “*doanh nghiệp, hợp tác xã*” thành “*tổ chức*” cho phù hợp với đối tượng áp dụng. Đồng thời, dự thảo Nghị quyết đang viện dẫn các chính sách ưu đãi theo Điều 6 Quyết định số 12/2015/QĐ-TTg ngày 16/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ, tuy nhiên, một số nội dung của Quyết định này hiện không còn phù hợp với chính quyền địa phương 02 cấp (như tiêu chí xác định “*huyện nghèo*”), đề nghị rà soát, nghiên cứu bổ sung hoặc quy định cụ thể cách áp dụng đối với các trường hợp này để bảo đảm tính khả thi và phù hợp với thực tiễn.

**6. Nội dung đề nghị UBND tỉnh**

<sup>4</sup> “2. Tại các huyện nghèo theo quy định của Chính phủ, trường hợp không kêu gọi được xã hội hóa xây dựng bến xe khách, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bố trí kinh phí đầu tư xây dựng

- Đề nghị báo cáo việc xây dựng, công bố và chỉ đạo thực hiện quy hoạch mạng lưới bến xe khách trên địa bàn theo quy định tại Điều 4 Quyết định số 12/2015/QĐ-TTg ngày 16/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách thu hút xã hội hóa đầu tư và khai thác bến xe khách: “1. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm xây dựng, công bố và chỉ đạo thực hiện quy hoạch mạng lưới bến xe khách trên địa bàn địa phương; chủ động kêu gọi xã hội hóa đầu tư, khai thác bến xe khách hoặc cân đối bố trí ngân sách địa phương để triển khai thực hiện; đảm bảo quy hoạch vị trí các bến xe khách ổn định với thời gian tối thiểu 10 năm”.

- Hiện nay, theo Quyết định số 292/QĐ-UBND ngày 09/02/2026 của UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, chưa xác định cụ thể định hướng đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống bến xe khách trên địa bàn tỉnh. Đề nghị làm rõ thực trạng hệ thống bến xe khách hiện có, mức độ đáp ứng nhu cầu vận tải hành khách, cơ sở thực tiễn, căn cứ quy hoạch và nhu cầu đầu tư, nâng cấp, mở rộng hệ thống bến xe khách làm cơ sở ban hành chính sách hỗ trợ xã hội hóa đầu tư; đồng thời báo cáo cụ thể số lượng, vị trí các bến xe dự kiến thu hút đầu tư trong thời gian tới, kinh phí dự kiến thực hiện, khả năng cân đối ngân sách để thực hiện chính sách.

- Báo cáo kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 12/8/2016 của HĐND tỉnh quy định về cơ chế, chính sách thu hút xã hội hóa đầu tư và khai thác bến xe khách trên địa bàn tỉnh (*Số bến xe được đầu tư, hiệu quả khai thác, mức độ thu hút phương tiện và hành khách; khả năng tự chủ tài chính của các bến xe; kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đã thực hiện*). Đồng thời, đề nghị đánh giá những tồn tại, hạn chế trong quá trình thực hiện chính sách (nếu có), nguyên nhân khách quan, chủ quan; mức độ tác động của chính sách đến việc thu hút đầu tư xã hội hóa trong lĩnh vực bến xe khách.

- Về chính sách hỗ trợ lãi suất vay vốn, đề nghị báo cáo lý do không quy định thời gian hỗ trợ lãi suất đối với từng dự án. Đồng thời, đánh giá sự phù hợp của các mức hỗ trợ về lãi suất với khả năng cân đối ngân sách địa phương và với chính sách hiện hành của tỉnh đối với các lĩnh vực xã hội hóa khác.

## **V. Tờ trình, dự thảo Nghị quyết quy định nội dung, nhiệm vụ chi duy tu, bảo dưỡng và xử lý cấp bách sự cố đê điều do tỉnh Thái Nguyên quản lý**

**1. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết:** Việc ban hành Nghị quyết là cần thiết nhằm thực hiện thống nhất trên địa bàn toàn tỉnh, các đơn vị, địa phương được giao nhiệm vụ chủ động thực hiện việc chi duy tu, bảo dưỡng và xử lý cấp bách sự cố đê điều, từ đó bảo vệ tính mạng, tài sản của Nhân dân và cơ sở hạ tầng thiết yếu trước diễn biến phức tạp của mưa lũ.

**2. Sự phù hợp của nội dung dự thảo văn bản với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương:** Nội dung dự thảo Nghị quyết phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước.

**3. Tính hợp hiến, tính hợp pháp:** Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa

phương số 72/2025/QH15; điểm b khoản 2 Điều 22 Luật Đê điều số 79/2006/QH11, khoản 2 Điều 2 Thông tư số 68/2020/TT-BTC ngày 15/7/2020 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí chi thường xuyên thực hiện duy tu, bảo dưỡng đê điều và xử lý cấp bách sự cố đê điều.

#### **4. Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày và trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản**

4.1. *Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày:* Dự thảo Nghị quyết xây dựng bảo đảm phù hợp với Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật.

#### 4.2. *Trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản*

Trình tự, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật bảo đảm theo quy định tại Điều 44 và Điều 45 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

### **5. Về dự thảo Nghị quyết**

Đề nghị bổ sung Điều khoản chuyển tiếp như sau: “*Đối với các nội dung, nhiệm vụ chi duy tu, bảo dưỡng và xử lý cấp bách sự cố đê điều được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực, tiếp tục triển khai thực hiện theo đúng quy định của pháp luật*”.

### **6. Nội dung đề nghị UBND tỉnh**

- Báo cáo kết quả triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ chi duy tu, bảo dưỡng và xử lý cấp bách sự cố đê điều do tỉnh Thái Nguyên quản lý theo Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh (tổng kinh phí được phân bổ, trong đó chi tiết kinh phí duy tu, bảo dưỡng và số lượng công trình; kinh phí xử lý cấp bách sự cố đê điều và số lượng công trình; tiến độ triển khai thực hiện).

- Đánh giá thực trạng hệ thống đê điều do tỉnh quản lý, bao gồm hiện trạng an toàn công trình, mức độ xuống cấp, các vị trí xung yếu thường xuyên phát sinh sự cố và nhu cầu duy tu, bảo dưỡng, xử lý cấp bách trong giai đoạn hiện nay, nhất là trước mùa mưa bão nhằm bảo đảm công tác phòng, chống thiên tai và an toàn hệ thống đê điều trên địa bàn tỉnh.

## **VI. Tờ trình, dự thảo Nghị quyết quy định nội dung chi thường xuyên hoạt động kinh tế giao thông đường thủy nội địa do địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

1. *Sự cần thiết ban hành Nghị quyết:* Việc ban hành Nghị quyết là cần thiết nhằm thực hiện thống nhất trên địa bàn toàn tỉnh, góp phần nâng cao chất lượng quản lý bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa do địa phương quản lý, phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương.

2. *Sự phù hợp của nội dung dự thảo văn bản với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, tình hình, điều kiện phát triển kinh tế -*

**xã hội của địa phương:** Nội dung dự thảo Nghị quyết phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước.

**3. Tính hợp hiến, tính hợp pháp:** Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; điểm b khoản 2 Điều 22 Luật Đê điều số 79/2006/QH11, khoản 2 Điều 2 Thông tư số 68/2020/TT-BTC ngày 15/7/2020 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí chi thường xuyên thực hiện duy tu, bảo dưỡng đê điều và xử lý cấp bách sự cố đê điều.

**4. Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày và trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản**

**4.1. Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày:** Dự thảo Nghị quyết xây dựng bảo đảm phù hợp với Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật.

**4.2. Trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản**

Trình tự, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật bảo đảm theo quy định tại Điều 44 và Điều 45 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

**5. Về dự thảo Nghị quyết:** Ban cơ bản thống nhất như dự thảo Nghị quyết.

**6. Nội dung đề nghị UBND tỉnh**

- Báo cáo hiện trạng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa của địa phương quản lý; kết quả thực hiện các nội dung chi thường xuyên hoạt động kinh tế giao thông đường thủy nội địa do địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2023 - 2025; khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, trong đó làm rõ các nội dung liên quan đến tình hình xuống cấp, hư hỏng kết cấu hạ tầng, biến động luồng tuyến, mật độ phương tiện vận tải và yêu cầu bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa.

- Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên đảm bảo hiệu quả, đúng mục đích, đúng đối tượng, đúng nội dung chi theo quy định pháp luật hiện hành.

**VII. Tờ trình, dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

**1. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết:** Việc ban hành Nghị quyết là cần thiết nhằm cụ thể hoá quy định của Trung ương về quản lý, phân bổ và sử dụng nguồn lực thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030 phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương, tạo cơ sở pháp lý thống nhất cho việc lập kế hoạch, phân bổ, quản lý và sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

**2. Sự phù hợp của nội dung dự thảo văn bản với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương:** Nội dung dự thảo Nghị quyết phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước.

**3. Tính hợp hiến, tính hợp pháp:** Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; điểm c khoản 1 Điều 56 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

**4. Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày và trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản**

**4.1. Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày:** Dự thảo Nghị quyết xây dựng cơ bản bảo đảm phù hợp với Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật.

**4.2. Trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản**

Trình tự, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật bảo đảm theo quy định tại Điều 44 và Điều 45 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

**5. Về dự thảo Nghị quyết**

- Đề nghị xây dựng dự thảo Nghị quyết theo bố cục sau:

+ Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

+ Điều 2: Nguyên tắc và cơ chế phân bổ.

+ Điều 3: Tiêu chí và hệ số phân bổ.

+ Điều 4: Định mức phân bổ vốn.

+ Điều 5: Tổ chức thực hiện.

+ Điều 6: Điều khoản thi hành. Đồng thời, bổ sung nội dung: “*Trường hợp văn bản viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế*”.

- Tại khoản 3 Điều 1 về nguyên tắc phân bổ

+ Tại Điểm a: Đề nghị sửa thành “*Phân bổ cho các cơ quan, đơn vị, địa phương để thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ của Chương trình bảo đảm tính công khai, minh bạch và tuân thủ theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.*”

+ Tại Điểm c: Đề nghị bổ sung nội dung “*địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, địa phương chưa tự cân đối được ngân sách, các nhiệm vụ cấp bách của Chương trình đáp ứng*

*yêu cầu thực tiễn*” nhằm bảo đảm phù hợp với điểm a khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 163/2024/QH15 ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030.

+ Đề nghị bỏ điểm d khoản 3 Điều 1 dự thảo Nghị quyết do không cần thiết.

- Tại khoản 4 Điều 1:

+ Đề nghị làm rõ cơ sở quy định thêm hệ số H3 (phân loại theo quy mô quản lý đối tượng) từ 0,5 điểm đến 3 điểm trong khi Quyết định số 05/2026/QĐ-TTg chỉ quy định 02 hệ số phân bổ vốn gồm hệ số gốc và hệ số tăng thêm (trong khi hệ số gốc chỉ từ 1,0 đến 3,0); việc bổ sung hệ số H3 dẫn đến một số địa bàn có số lượng đối tượng quản lý lớn được hưởng hệ số phân bổ cao hơn đáng kể<sup>5</sup>.

+ Nghiên cứu gộp tiêu chí phân loại quy mô quản lý thành 03 nhóm và quy định hệ số tương ứng, gồm: Nhóm trên 200 người, từ 100 đến dưới 200 người và dưới 100 người.

## **6. Nội dung đề nghị UBND tỉnh**

- Theo quy định tại khoản 2 mục VI Quyết định số 7619-QĐ-BCA ngày 08/9/2025 của Bộ Công An phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030: *“Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể tỷ lệ phân cấp nguồn thu để lại cho ngân sách xã từ đấu giá quyền sử dụng đất, giao đất, có thu tiền sử dụng đất (sau khi hoàn trả kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng) trên địa bàn cấp xã để thực hiện các nội dung công tác phòng, chống ma túy”*, đề nghị UBND tỉnh nghiên cứu, xem xét sự cần thiết trình HĐND tỉnh điều chỉnh Nghị quyết số 26/2025/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ % phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030.

- Báo cáo cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn đề xuất định mức phân bổ vốn sự nghiệp không vượt quá 40% tổng số kinh phí thực hiện chương trình cho các sở, ngành để thực hiện công tác chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy. Theo Quyết định số 7619-QĐ-BCA ngày 08/9/2025 của Bộ Công an, có 06/09 dự án giao UBND tỉnh chủ trì, chỉ đạo thực hiện; 01 dự án giao UBND các cấp (*Dự án 4: Nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống ma túy ở cơ sở*)<sup>6</sup>. Để có cơ sở xác định định mức phân bổ, đề nghị phân định rõ mục tiêu, nhiệm vụ giao cho các sở, ngành là cơ quan chủ quản thực hiện các dự án, tiểu dự án; đồng thời xác định rõ nhiệm vụ thuộc UBND cấp xã, làm căn cứ xây dựng định mức phân bổ vốn sự nghiệp bảo đảm phù hợp với yêu cầu phân cấp, phân quyền và khả thi trong tổ chức thực hiện.

<sup>5</sup> Theo cách tính điểm này, xã, phường trọng điểm phức tạp về ma túy loại II: phường Tích Lương 6,5 điểm; xã Tân Kỳ 5,5 điểm; phường Gia Sàng: 4 điểm; phường Bách Quang 3 điểm; phường Phổ Yên 3,5 điểm.

Một số xã, phường loại III: Phường Phan Đình Phùng: 6,75 điểm; Xã Nà Phặc 4,25 điểm; Bắc Kạn 5,25 điểm; xã Thượng Quan 4,25 điểm; xã Chợ Rã 4,25 điểm.

<sup>6</sup> Tại Tờ trình số 203/TTr-UBND ngày 20/6/2026 của UBND tỉnh về việc phân bổ kinh phí thường xuyên năm 2026 thực hiện CTMTQG phòng, chống ma túy đến năm 2030 và CTMTQG về phát triển văn hóa, tỷ lệ phân bổ vốn sự nghiệp cho các sở, ngành thực hiện CTMTQG phòng, chống ma túy năm 2026 đang chiếm tỷ lệ 29,4% trên tổng vốn phân bổ.

- Theo Nghị quyết số 29/2026/NQ-HĐND ngày 09/6/2026 của HĐND tỉnh, thẩm quyền phân bổ, điều chỉnh kinh phí thực hiện các Chương trình MTQG đã được giao cho HĐND cấp xã. Tuy nhiên, để bảo đảm thống nhất trong tổ chức thực hiện, đề nghị UBND tỉnh xây dựng kế hoạch triển khai Chương trình theo khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 163/2024/QH15 ngày 27/11/2024, trong đó giao mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể hằng năm cho cấp xã làm cơ sở chủ động phân bổ, sử dụng kinh phí phù hợp, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả và hoàn thành các mục tiêu của Chương trình đã được phê duyệt.

### **VIII. Tờ trình, dự thảo Nghị quyết về chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

**1. Tính hợp hiến, hợp pháp:** Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 20 Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 8 Luật số 146/2025/QH15 và khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 8 Điều 41 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ.

#### **2. Về dự thảo Nghị quyết**

Đề nghị UBND tỉnh chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ, số liệu dự án bảo đảm phù hợp với các quy hoạch hiện có, tránh phải trình Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung nhiều lần.

#### **3. Nội dung đề nghị UBND tỉnh**

- Đối với Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác và chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường khu vực Pác Keng, xã Thượng Giáo, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn (diện tích đề nghị chuyển mục đích là 1,116 ha, trong đó 0,981 ha đất rừng tự nhiên): Dự án được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn (trước sắp xếp) thông qua danh mục thu hồi đất tại Nghị quyết số 91/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 với diện tích 30.600 ha; UBND tỉnh Bắc Kạn (trước sắp xếp) chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định số 1956/QĐ-UBND ngày 13/10/2022 và chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư tại Quyết định số 1309/QĐ-UBND ngày 19/6/2025, theo đó điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án đến hết quý II/2026. Qua khảo sát, dự án chưa hoàn thành các thủ tục về đất đai, chưa hoàn thành công tác đầu tư xây dựng, trong khi thời hạn để đưa dự án vào hoạt động chỉ còn hơn 10 ngày. Đề nghị UBND tỉnh báo cáo, làm rõ tính khả thi của việc triển khai dự án.

- Đối với dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác khoáng sản đất làm vật liệu san lấp Đồi Đá Xô, thị trấn Giang Tiên, huyện Phú Lương (nay là xã Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên), diện tích đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác là 3,55ha: Theo báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt, hoạt động bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án ảnh hưởng đến sản xuất của 25 hộ dân có đất trồng rừng sản xuất và đất trồng cây lâu năm. Tuy nhiên, qua khảo sát thực tế hiện có khoảng 05 hộ dân có nhà ở, công trình trên đất ở, với khoảng cách gần nhất khoảng 25m đến phạm vi khai thác, tiềm ẩn nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn, môi trường sống và sinh hoạt của người dân khu vực lân cận. Đề nghị rà soát, đánh giá bổ sung về mức độ tác động, bảo đảm khoảng cách an toàn khai thác theo quy định và có giải pháp giảm thiểu, hạn chế ảnh hưởng đến khu dân cư hiện hữu.

- Chỉ đạo các sở, ngành, địa phương phối hợp với chủ đầu tư khi thực hiện chuyên mục đích sử dụng rừng phải đảm bảo trình tự, thủ tục theo đúng quy định tại Điều 42 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp và Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số nội dung của Luật Lâm nghiệp và sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm.

## **IX. Tờ trình, dự thảo Nghị quyết về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2026 tỉnh Thái Nguyên**

**1. Tính hợp hiến, hợp pháp:** Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025; khoản 7 Điều 71 Luật Đầu tư công năm 2024.

### **2. Về dự thảo Nghị quyết**

Tại Điều 2: Đề nghị bổ sung nội dung: “*chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ, số liệu dự án*”. Đồng thời, rà soát chính xác số liệu bố trí vốn cho từng nhiệm vụ, dự án<sup>7</sup>.

### **3. Nội dung đề nghị UBND tỉnh**

- Đề nghị UBND tỉnh thực hiện điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương năm 2026 theo quy định tại khoản 3 Điều 54 Luật Ngân sách nhà nước năm 2025<sup>8</sup> để đảm bảo đủ điều kiện HĐND tỉnh bổ sung Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 từ nguồn thu tiền sử dụng đất là 255.496 triệu đồng và đảm bảo điều kiện chi ngân sách theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 Luật Ngân sách nhà nước năm 2025<sup>9</sup>.

- Báo cáo nguyên nhân điều chỉnh giảm số vốn là 285.995 triệu đồng đối với dự án thành phần 2: Bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thuộc dự án Tuyển kết nối phía Tây Nam Khu công nghiệp Yên Bình 3 với đường 47m (*đã được phê duyệt dự án tại Quyết định số 2159/QĐ-UBND ngày 08/12/2025*) và giảm số vốn 209.402 triệu đồng đối với dự án thành phần 2: Bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng thuộc dự án Tuyển đường từ Quảng trường Vạn Xuân đi đông Tam Đảo (*được phê duyệt dự án tại Quyết định số 2158/QĐ-UBND ngày 08/12/2025*). Qua khảo sát của Ban HĐND tỉnh, hiện nay nhiều dự án trọng điểm khu, cụm công nghiệp của tỉnh

<sup>7</sup> Vốn đối ứng chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa giai đoạn 2025 – 2030, giai đoạn I từ năm 2025 đến năm 2030 tại Phụ lục I là 60.900 triệu đồng, tuy nhiên tại Tờ trình số 210/TTr-UBND ngày 21/6/2025 của UBND tỉnh về việc cho ý kiến, phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa, vốn đối ứng là 60.836 triệu đồng.

Dự án thành phần 1: Cải tạo, nâng cấp bờ kênh kết hợp làm đường giao thông tuyến kênh chính Hồ Núi Cốc đoạn từ ĐT.267 đến ĐT.265, tổng vốn xây dựng cơ bản bố trí là 31.428 triệu đồng (tại mục IV.2 và mục V.2).

<sup>8</sup> 3. Ủy ban nhân dân các cấp quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương, định kỳ báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất trong các trường hợp sau đây: a) Số thu dự kiến tăng hoặc không đạt so với dự toán cần phải điều chỉnh nhiệm vụ chi so với dự toán được Hội đồng nhân dân quyết định;”

<sup>9</sup> Khoản 2 Điều 12 Luật Ngân sách nhà nước năm 2025 quy định:

“2. Chi ngân sách nhà nước chỉ được thực hiện khi đã có trong dự toán ngân sách được giao, trừ trường hợp tạm cấp ngân sách quy định tại Điều 53 của Luật này và đã được thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách, chủ đầu tư hoặc người được ủy quyền quyết định chi đáp ứng các điều kiện trong từng trường hợp sau đây: a) Đối với chi đầu tư phát triển phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư công và quy định của pháp luật khác có liên quan;”

đang gặp khó khăn về nguồn lực đầu tư các khu tái định cư. Đề nghị UBND tỉnh quan tâm, ưu tiên bố trí kinh phí đầu tư xây dựng các khu tái định cư để bảo đảm tiến độ triển khai các dự án.

- Báo cáo tiến độ thực hiện dự án cải tạo, nâng cấp đường từ QL3-Cầu Phiêng My, phường Huyền Tung, thành phố Bắc Kạn (Km0+00-KM1+450), khả năng giải ngân kế hoạch vốn bố trí là 12.807 triệu đồng trong năm 2026.

- Ngày 10/12/2025, HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 103/NQ-HĐND về Kế hoạch đầu tư công năm 2026, trong đó bố trí kế hoạch vốn ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh là 20.000 triệu đồng. Tại kỳ họp này, UBND tỉnh đề xuất bổ sung kế hoạch vốn là 50.000 triệu đồng, nâng tổng kế hoạch vốn bố trí là 70.000 triệu đồng, chỉ chiếm 17,5% chỉ tiêu Trung ương giao<sup>10</sup>. Đề nghị UBND tỉnh rà soát, bảo đảm bố trí vốn theo thứ tự ưu tiên quy định tại khoản 9 Điều 2 Nghị quyết số 16/2026/NQ-HĐND và khoản 4 Điều 54 Luật Đầu tư công năm 2024.

- Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo rà soát các dự án đã hoàn thành (nhất là các dự án cấp huyện trước khi sắp xếp chuyển về cấp tỉnh quản lý) đã được phê duyệt quyết toán nhưng chưa bố trí đủ vốn để thanh toán dứt điểm, tổng hợp báo cáo và đề xuất phương án xử lý theo quy định, bảo đảm không phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

- Báo cáo tình hình thu tiền sử dụng đất đến thời điểm hiện tại, khả năng hoàn thành dự toán được giao năm 2026 để bố trí đủ vốn cho các dự án trong kế hoạch đầu tư công năm 2026.

## **X. Tờ trình, dự thảo Nghị quyết phê chuẩn Quyết toán ngân sách tỉnh Thái Nguyên năm 2025**

**1. Tính hợp hiến, hợp pháp:** Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025; khoản 3 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước năm 2025.

### **2. Về dự thảo Nghị quyết**

Rà soát, đối chiếu chính xác số liệu quyết toán năm 2025 theo kết luận của Kiểm toán nhà nước về kiểm toán ngân sách tỉnh Thái Nguyên năm 2025 đề nghị HĐND tỉnh phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước theo quy định. Đồng thời, rà soát, đảm bảo tính chính xác của số liệu giữa các Phụ lục báo cáo quyết toán<sup>11</sup>.

<sup>10</sup> Chi nhánh ngân hàng chính sách xã hội tỉnh được Trung ương giao chỉ tiêu tăng trưởng nguồn vốn ủy thác từ ngân sách địa phương năm 2026 là 400.000 triệu đồng.

<sup>11</sup> Qua rà soát, tại phần thuyết minh Báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước tỉnh Thái Nguyên năm 2025, số liệu tỷ lệ % đạt so với chỉ tiêu Thủ tướng giao và Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh giao chưa bảo đảm chính xác so với dự toán ngân sách năm 2025 được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1391/QĐ-TTg ngày 27/6/2025 và Hội đồng nhân dân tỉnh giao tại Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 30/7/2025 (Ví dụ: Số thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý đạt 156.590 triệu đồng, đạt 248,6% Trung ương giao, bằng 111% dự toán tỉnh giao, tuy nhiên, số dự toán Trung ương và Hội đồng nhân dân tỉnh giao là 63.000 triệu đồng, do đó số thu năm 2025 đạt 248,6% dự toán Trung ương và Hội đồng nhân dân tỉnh giao. Thuế thu nhập cá nhân: UBND tỉnh báo cáo số thu cả năm là 1.887.310 triệu đồng, bằng 123,6% Trung ương giao và 126% dự toán tỉnh giao, tuy nhiên số dự toán Trung ương giao theo Quyết định số 1391/QĐ-TTg ngày 27/6/2025 của Thủ tướng

### 3. Nội dung đề nghị UBND tỉnh

- Tại thời điểm thẩm tra, Ban Kinh tế - Ngân sách chưa nhận được Báo cáo của Kiểm toán nhà nước đối với Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2025 của tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại khoản 2 Điều 73 Luật Ngân sách nhà nước năm 2025<sup>12</sup>. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung Báo cáo kiểm toán của Kiểm toán nhà nước để Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước theo quy định.

- Báo cáo nội dung chi chuyển nguồn ngân sách nhà nước năm 2025 sang năm 2026 với số tiền là 13.404.363 triệu đồng (chiếm khoảng 17,5% tổng chi ngân sách địa phương), chi nộp trả ngân sách cấp trên là 436.692 triệu đồng; nguyên nhân, trách nhiệm của các chủ đầu tư, đơn vị sử dụng ngân sách trong việc giải ngân chậm, giải pháp khắc phục nhằm nâng cao chất lượng quản lý, điều hành ngân sách trong thời gian tới.

- Phụ biểu số XVI về tình hình thực hiện Kế hoạch tài chính của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách năm 2025: Qua rà soát giai đoạn 2024 - 2025, Quỹ chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi không phát sinh nhiệm vụ chi. Do đó, đề nghị UBND tỉnh báo cáo sự cần thiết của việc tiếp tục duy trì hoạt động đối với quỹ này; đánh giá hiệu quả hoạt động của các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh.

- Theo Báo cáo của UBND tỉnh, còn 09 tồn tại đã được đề cập tại các báo cáo kiểm toán và kiến nghị nhưng đến nay chưa thực hiện xong, đề nghị UBND tỉnh báo cáo nội dung của tồn tại, nguyên nhân và giải pháp thực hiện trong thời gian tới; đồng thời chỉ đạo các đơn vị, địa phương có liên quan thực hiện nghiêm túc kết luận của Kiểm toán nhà nước, nhất là trong bối cảnh thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

- Đề nghị UBND tỉnh báo cáo kết quả phân bổ, giao dự toán chi đối với các khoản chưa phân bổ chi tiết phát sinh trong năm 2025 quy định tại khoản 7 Điều 32 Luật Ngân sách nhà nước năm 2025<sup>13</sup> và sử dụng dự phòng ngân sách nhà nước quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày

---

Chính phủ và Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 30/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh giao là 1.527.000 triệu đồng, như vậy số thu năm 2025 đạt 123,6% dự toán giao,...).

- Phụ biểu số III về Quyết toán nguồn thu ngân sách nhà nước trên địa bàn theo lĩnh vực năm 2025: Số liệu quyết toán thuế thu nhập cá nhân: Số quyết toán tổng thu ngân sách nhà nước (đạt 1.886.812 triệu đồng) thấp hơn số quyết toán thu ngân sách địa phương 499 triệu đồng (số thu ngân sách địa phương là 1.887.310 triệu đồng) là chưa đúng quy định.

<sup>12</sup> Điều 73. Kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước, báo cáo quyết toán ngân sách địa phương  
2. Kiểm toán nhà nước thực hiện kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách địa phương trước khi gửi Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê chuẩn.

<sup>13</sup> Khoản 7 Điều 32 Luật Ngân sách nhà nước năm 2025 quy định:

**“Điều 32. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân các cấp**

7. Phân bổ, giao dự toán chi đối với các khoản chưa phân bổ chi tiết quy định tại điểm a khoản 2 Điều 31 của Luật này và dự toán kinh phí do ngân sách cấp trên bổ sung có mục tiêu trong năm bảo đảm kịp thời, tiết kiệm, hiệu quả, tuân thủ đúng quy định của pháp luật, định kỳ báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp và báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất”

10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước<sup>14</sup>.

- Đề nghị UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo triển khai thực hiện chế độ báo cáo Thường trực HĐND tỉnh và Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 32 Luật Ngân sách nhà nước năm 2025 và khoản 4 Điều 25 Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

## **XI. Tờ trình, dự thảo Nghị quyết phân bổ kinh phí thường xuyên năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030 và Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hoá giai đoạn 2025 - 2030, giai đoạn I từ năm 2025 đến năm 2030**

**1. Tính hợp hiến, hợp pháp:** Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025; khoản 2 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước năm 2025; điểm b khoản 1 Điều 56 Nghị định số 358/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

### **2. Về dự thảo Nghị quyết**

- Về tên dự thảo Nghị quyết: Đề nghị sửa cụm từ “*giai đoạn 2025 - 2030*” thành “*giai đoạn 2025 - 2035*”.

- Tại Điều 2: Đề nghị bổ sung nội dung: “*chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ, số liệu dự án*”.

### **3. Nội dung đề nghị UBND tỉnh**

- Đối với việc phân bổ kinh phí thường xuyên cho các đơn vị cấp tỉnh để thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035, dự kiến 56.555 triệu đồng (*chiếm 58,30% tổng vốn*), đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo rà soát kỹ các nhiệm vụ của các đơn vị cấp tỉnh trong quá trình lập dự toán, bảo đảm việc bố trí kinh phí bám sát mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình, đúng phạm vi, đối tượng, tránh trùng lặp, dàn trải và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn. Đồng thời, đề nghị nghiên cứu cơ cấu phân bổ giữa cấp tỉnh và cấp xã theo hướng hợp lý, hài hòa với tính chất nhiệm vụ của từng cấp<sup>15</sup>.

<sup>14</sup> Khoản 4 Điều 25 Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước quy định:

**“Điều 25. Sử dụng dự phòng ngân sách nhà nước**

4. Định kỳ hằng quý, chậm nhất trước ngày 20 sau ngày kết thúc quý, Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ để báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội việc sử dụng dự phòng ngân sách trung ương, báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất; Ủy ban nhân dân báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân việc sử dụng dự phòng ngân sách địa phương, báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất.”

<sup>15</sup> Nội dung phát triển văn hóa con người Việt Nam về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường thông qua công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức,... 5.000 triệu đồng; xây dựng các mô hình về truyền thông, giáo dục xây dựng gia đình hạnh phúc, phát triển bền vững tại cơ sở; mô hình can thiệp, phòng ngừa và ứng phó bạo lực gia đình,... 3.000 triệu đồng; Bổ sung tài nguyên thông tin, tiện tích thư viện, trang thiết bị chuyên dụng cơ sở vật chất trụ sở Thư viện tỉnh 1.000 triệu đồng trong khi đang thực hiện dự án xây dựng Thư viện tỉnh với tổng mức đầu tư dự kiến 300.000 triệu đồng, vốn đầu tư CTMTQG về phát triển văn hóa; đổi mới đa dạng hóa các hình thức phổ biến các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về phát triển văn hóa,... 7.500 triệu đồng,...

- Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia quy định: “*Trường hợp trong năm được giao bổ sung dự toán ngân sách trung ương, kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương, bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp hoàn thành việc phân bổ, giao dự toán, kế hoạch cho cơ quan, đơn vị, cấp trực thuộc chậm nhất không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày được Thủ tướng Chính phủ giao bổ sung.*”, trong khi Thủ tướng Chính phủ giao bổ sung dự toán tại Quyết định số 1039/QĐ-TTg ngày 11/6/2026, đề nghị UBND tỉnh báo cáo những khó khăn, vướng mắc đến nay mới trình HĐND tỉnh đề phân bổ kinh phí thực hiện.

## **XII. Tờ trình, dự thảo Nghị quyết về việc cho ý kiến, phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hoá giai đoạn 2025 - 2035, giai đoạn I từ năm 2025 đến năm 2030**

**1. Tính hợp hiến, hợp pháp:** Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025; khoản 2 Điều 88 Luật Đầu tư công năm 2024; Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước năm 2025.

### **2. Về dự thảo Nghị quyết**

- Tại Điều 2: Đề nghị bổ sung nội dung: “*chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ, số liệu dự án. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện hồ sơ, thủ tục đầu tư, sớm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án và trình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026, bảo đảm đúng quy định của Luật Đầu tư công năm 2024 và các quy định pháp luật có liên quan.*”

- Tại Phụ lục I: Đề nghị UBND tỉnh bổ sung danh mục cho ý kiến đối với 02 dự án: (1) Dự án Thư viện tỉnh Thái Nguyên và (2) Dự án xây dựng Bảo tàng tỉnh Thái Nguyên để bảo đảm phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 88 Luật Đầu tư công năm 2024. Đồng thời, cung cấp Quyết định phê duyệt nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư đối với 02 dự án trên theo quy định tại khoản 3 Điều 56 Luật Đầu tư công làm cơ sở trình HĐND tỉnh phân bổ Kế hoạch đầu tư công năm 2026.

- Đối với 02 dự án: (i) Hạng mục Quảng trường, sân tập trung và sân hành lễ ATK Định Hóa; (ii) Dự án cải tạo, nâng cấp một số hạng mục phụ trợ Khu Nhà tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh (ATK Định Hóa), đề nghị UBND tỉnh báo cáo kết quả xin ý kiến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về sự phù hợp với nội dung, thành phần của Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035, giai đoạn I (2025 - 2030). Trường hợp các dự án không đáp ứng điều kiện, đề nghị báo cáo phương án xử lý để kịp thời điều chỉnh, thay thế danh mục, bảo đảm sử dụng hiệu quả nguồn vốn, tránh lãng phí và đáp ứng yêu cầu tiến độ giải ngân kế hoạch đầu tư công.

### **3. Nội dung đề nghị UBND tỉnh**

- Tại kỳ họp này, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh cho ý kiến và phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035, giai đoạn I từ năm 2025 đến năm 2030 đối với các dự án do cấp tỉnh thực hiện mà chưa thực hiện phân bổ cho cấp xã. Đề nghị UBND tỉnh báo cáo, làm rõ nguyên nhân chưa thực hiện phân bổ vốn cho cấp xã; căn cứ đề xuất chỉ phân bổ vốn đối với các dự án do cấp tỉnh thực hiện.

- Đối với dự án tôn tạo, tu bổ di tích lịch sử Nhà Pậu, xã Lương Bằng, huyện Chợ Đồn. Dự án đã được HĐND tỉnh Bắc Kạn (trước sắp xếp) phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 67/NQ-HĐND ngày 14/7/2021 với tổng mức đầu tư 26 tỷ đồng, trong đó 21 tỷ đồng là vốn tài trợ của UBND Thành phố Hồ Chí Minh và 5 tỷ đồng từ nguồn thu tiền sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2025 của huyện Chợ Đồn<sup>16</sup>, đề nghị UBND tỉnh báo cáo rõ việc quản lý, sử dụng nguồn vốn tài trợ nêu trên và căn cứ pháp lý để tiếp tục bố trí, lồng ghép trong kế hoạch đầu tư công năm 2026 theo quy định. Đồng thời, rà soát, làm rõ sự cần thiết phải điều chỉnh chủ trương đầu tư (nếu có), bảo đảm việc điều chỉnh dự án, cơ cấu nguồn vốn, tiến độ thực hiện và việc tiếp tục triển khai dự án tuân thủ đúng quy định của Luật Đầu tư công và các quy định pháp luật có liên quan.

- Báo cáo tiến độ trình HĐND tỉnh ban hành quy định phương án lồng ghép giữa các chương trình, dự án khác theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ: *“Nội dung, phương án lồng ghép giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và từ các chương trình, dự án khác để thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện theo quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh”*, để đảm bảo việc sử dụng linh hoạt các nguồn vốn lồng ghép.

- Trong quá trình thực hiện, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo cơ quan chuyên môn, địa phương cấp xã thực hiện đồng bộ các biện pháp quản lý; tăng cường huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực xã hội; lồng ghép các nguồn vốn để triển khai chương trình mục tiêu bảo đảm việc sử dụng vốn tập trung, tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch; phòng ngừa thất thoát, lãng phí; không để xảy ra tình trạng đầu tư dàn trải, trùng lặp nội dung, nhiệm vụ; không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

### **XIII. Tờ trình, dự thảo Nghị quyết về việc ban hành quy định chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 157 Luật Đất đai năm 2024 và khoản 15 Điều 38 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh**

**1. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết:** Việc ban hành Nghị quyết là cần thiết nhằm cụ thể hóa quy định tại điểm a khoản 1 Điều 157 Luật Đất đai năm 2024 và khoản 15 Điều 38 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP của Chính phủ, làm cơ sở áp

<sup>16</sup> Hiện nay, dự kiến đưa vào danh mục kế hoạch đầu tư công với tổng mức đầu tư 35.000 triệu đồng, vốn NSTW 26.923 triệu đồng, vốn NSĐP: 8.077 triệu đồng.

dụng thống nhất chính sách miễn tiền thuê đất trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, bảo đảm tính kịp thời trong tổ chức thực hiện chính sách ưu đãi về đất đai, góp phần cải thiện môi trường đầu tư, thu hút các dự án sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

**2. Sự phù hợp của nội dung dự thảo văn bản với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương:** Nội dung dự thảo Nghị quyết phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước.

**3. Tính hợp hiến, tính hợp pháp:** Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025; điểm a khoản 1 Điều 157 Luật Đất đai năm 2024; khoản 15 Điều 38 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

#### **4. Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày và trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản**

**4.1. Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày:** Dự thảo Nghị quyết xây dựng bảo đảm phù hợp với Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật.

#### **4.2. Trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản**

Trình tự, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật bảo đảm theo quy định tại Điều 44 và Điều 45 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

**5. Về dự thảo Nghị quyết:** Ban cơ bản thống nhất như dự thảo Nghị quyết.

#### **6. Nội dung đề nghị UBND tỉnh**

Báo cáo số lượng các dự án đầu tư thuộc đối tượng chuyển tiếp tại Điều 6 dự thảo Nghị quyết đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận miễn tiền thuê đất theo Nghị quyết số 20/2024/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của HĐND tỉnh Thái Nguyên (trước sắp xếp) và Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND ngày 03/4/2025 của HĐND tỉnh Bắc Kạn (trước sắp xếp), đồng thời phân loại cụ thể từng dự án theo: thời điểm được quyết định hưởng ưu đãi, mức ưu đãi đang áp dụng (theo địa bàn, lĩnh vực, thời hạn miễn giảm), thời gian ưu đãi còn lại và khả năng đáp ứng điều kiện theo quy định hiện hành, làm cơ sở xác định nguyên tắc chuyển tiếp và thống nhất áp dụng chính sách sau sắp xếp đơn vị hành chính theo hướng bảo đảm quyền lợi của nhà đầu tư.

Trên đây là Báo cáo thẩm tra đối với các nội dung trình tại Kỳ họp thứ tư (Kỳ họp chuyên đề), HĐND tỉnh Khóa XV, Ban Kinh tế - Ngân sách trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thảo luận và quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (Báo cáo);
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Đại biểu dự Kỳ họp;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- CV Phòng CTHĐND;
- Lưu: VT, KTNS.

**TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH  
TRƯỞNG BAN**



**Trịnh Tiến Dũng**